

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-PT

Ngày 09 - 02 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và tài sản gắn liền với đất,
yêu cầu bồi thường thiệt hại
về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;
Ông Phạm Văn Tuệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Ông Nguyễn Tuấn Anh

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đường Văn S (tên gọi khác Hà Khẩy H), sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thanh H - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Mông Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hà Thị S, sinh năm 1938; vắng mặt.

2. Ông Hà Viết N, sinh năm 1936; vắng mặt.

3. Chị Hà Thị T, sinh năm 1971; vắng mặt.
4. Chị Hà Thị S, sinh năm 1989; vắng mặt.
5. Chị Hà Thị X, sinh năm 1991; vắng mặt.
6. Anh Hà Văn C, sinh năm 1993; vắng mặt.
7. Anh Hà Văn T, sinh năm 1995; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Ông Đường Văn S (tên gọi khác Hà Khẩu H), sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2017); có mặt.

8. Ông Hà Văn B; vắng mặt.
9. Bà Lương Thị S, sinh năm 1945; vắng mặt.
10. Chị Đinh Thúy H, sinh năm 1990; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị S, chị Đinh Thúy H: Anh Mông Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2017); có mặt.

11. Anh Lã Văn X, sinh năm 1970; vắng mặt.
12. Ông Mông Văn Lý; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Âu Thị Y, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
2. Ông Nông Văn T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người giám định:

1. Ông Hoàng Xuân N - Giám định viên tư pháp lĩnh vực lâm nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
2. Ông Hoàng Văn T - Giám định viên tư pháp lĩnh vực chuyên ngành Đo đạc và Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Anh Mông Văn T là bị đơn.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đường Văn S (tức Hà Khẩu H) trình bày: Gia đình ông S có khu rừng tại L, diện tích 5,04 ha thuộc tiểu khu 283, mảnh 32, lô 5, địa danh thuộc Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Diện

tích đất rừng này gia đình ông đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 480/QĐ-UB, ngày 20/12/1997. Nguồn gốc đất là do bà Hà Thị S (mẹ vợ ông S) khai phá năm 1971, bà S đã trồng khoảng 50 cây quýt dọc thửa đất giáp ranh khe suối. Năm 2005, bà S, trồng thêm cây quýt, khoảng 20 cây dẻ và hơn 10 cây nhãn vào giữa thửa đất. Gia đình ông S quản lý, phát quang, chăm sóc khu rừng từ trước đến nay. Đến năm 2001, gia đình anh Mông Văn T, trú tại: Thôn B, xã T, huyện C lần chiếm trồng xuống 200 cây thông, gia đình ông S ngăn cản anh T không trồng nữa, anh T nói khi nào khai thác thông xong sẽ trả đất cho ông S. Năm 2008, khi Nhà nước có dự án cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông S đã xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất này. Nhưng đến nay chưa được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông S vẫn thường xuyên bảo vệ, chăm sóc diện tích đất rừng này.

Tháng 6/2016, anh Mông Văn T thuê người đi chặt phá rừng của ông S, kết hợp với Lã Văn X (anh em nhà anh T) bỏ vốn lấy 4.000 cây giống bạch đàn về trồng nên dẫn đến tranh chấp. Vụ việc đã được UBND xã T, huyện C hòa giải nhưng không thành. Ông S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T bồi thường thiệt hại số cây anh T chặt phá là 10.000.000đ, (Mười triệu đồng) và yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 5,04 ha thuộc lô 5, mảnh 32, tiểu khu 283.

Ngày 27/3/2017, ông Đường Văn S có đơn rút yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại đối với số cây bị chặt phá. Sau khi xem xét, thẩm định và định giá tài sản ông S xác định diện tích đất tranh chấp là 10.740, m² theo bản trích đo địa chính số 02 - 2017 của Công ty Cổ phần tài nguyên số 1 tỉnh Lạng Sơn, đo vẽ ngày 23/5/2017 thuộc khu rừng L, thửa đất số 160 bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01 của Ủy ban nhân dân xã T (Theo bản đồ lâm nghiệp năm 1997, diện tích đất này thuộc tiểu khu 283, mảnh 32, lô 5, diện tích 5,04 ha). Đồng thời, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản là số cây trên đất. Ông yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ số cây bạch đàn, cây thông và cây quýt trên đất (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá ngày 23/5/2017 và biên bản lấy mẫu cây để giám định ngày 29/8/2017).

Theo lời khai của bị đơn anh Mông Văn T trình bày: Nguồn gốc khu đất tranh chấp là do ông nội anh T là ông Mông Xuân M khai phá từ năm 1974 và trồng trên đất khoảng 21 cây quýt. Năm 1990, bố mẹ của anh T là ông Mông Văn C và bà Lương Thị S tiếp tục trồng ngô trên mảnh đất đó. Năm 1992, ông C, bà S tiếp tục trồng trên diện tích đó 60 cây cam. Năm 2001, xã có dự án trồng cây thông, gia đình anh T đã lấy 500 cây thông con về trồng. Khu đất này hàng năm gia đình anh vẫn phát quang, tu bổ, chăm sóc không ai có gì với gia đình anh. Vào tháng 6/2016, anh Mông Văn T và anh Lã Văn X (anh T là con cậu, anh X là con bác) đã phát quang, đốt sạch, đào hố và trồng trên đất 4.000 cây bạch đàn. Sau khi anh T trồng xong cây bạch đàn, ông Đường Văn S gọi chính quyền địa phương đến lập biên bản cho rằng anh T trồng cây trên đất ông S và yêu cầu anh T phải bồi thường thiệt hại về số cây đã chặt phá đồng thời yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất 10.740,0 m² đất tranh chấp, theo bản trích đo địa chính số 02 - 2017 của Công ty cổ phần tài nguyên số 1 tỉnh Lạng Sơn đo vẽ ngày 23/5/2017. Anh Mông Văn T không đồng ý, anh yêu cầu Tòa án giải quyết

cho anh được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 10.740,m² đất rừng đang tranh chấp và toàn bộ số cây thông, cây quýt và số cây bạch đàn mới trồng trên đất (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá ngày 23/5/2017 và biên bản lấy mẫu cây để giám định ngày 29/8/2017).

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đường Văn S (tức Hà Khậy H) là bà Ngô Thị Thanh H đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 20 Luật đất đai năm 1993 và Điều 6 Nghị định số 02/CP năm 1994 của Chính phủ; Điều 59 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013 quyết định: Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại số cây bị thiệt hại trên đất do ông Đường Văn S đã rút trước khi mở phiên tòa; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, giao cho ông S tiếp tục được quản lý, sử dụng 10.740,m² đất thuộc thửa 160, mảnh trích đo địa chính số 02 - 2017, thuộc tờ bản đồ số 01 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về cách giải quyết số cây bạch đàn đã trồng trên đất của ông Đường Văn S; 200 cây thông hiện nay đang tồn tại trên đất đề nghị anh Mông Văn T thu hoạch để trả đất cho ông S vì số cây thông này anh T đã khai thác nhựa 02 năm (2015, 2016) nên giá trị kinh tế còn lại ít, gia đình ông S hoàn cảnh khó khăn không thể bồi thường cho anh T; số cây quýt còn lại đề nghị tuyên cho ông S được quyền quản lý, sử dụng. Đề nghị Tòa án miễn án phí dân sự cho ông S vì ông S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2017, người làm chứng anh Nông Xuân T trình bày: Anh T là anh rể của anh Mông Văn T (chị gái ruột anh T là vợ của Anh T). Anh T là hàng xóm của ông Đường Văn S giữa hai gia đình có mối quan hệ bình thường không có mâu thuẫn. Anh T xác định anh không biết rõ về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp nhưng hàng năm vẫn thấy gia đình anh T canh tác trồng ngô, phát quang, tu bổ rừng không có ai tranh chấp. Năm 2001, khi xã có dự án trồng thông, Anh T đã cùng anh T lấy 500 cây thông về trồng. Từ năm 2013 đến nay, anh T đã khai thác nhựa thông. Trong diện tích đất tranh chấp hiện nay còn 10 cây cam và một số gốc cây cam đã chết. Số cây này do ông Mông Xuân M và Mông Văn C trồng, còn trồng năm nào anh không rõ.

Giám định viên: Ông Hoàng Xuân N khẳng định việc tiến hành lấy mẫu cây quýt theo yêu cầu của bị đơn Mông Văn T là đúng quy trình. Tuy nhiên, do ranh giới số vòng năm trên mẫu cây quýt không rõ ràng, nên không thể kết luận tuổi cây. Với cùng một tính chất đất, lứa tuổi cây quýt như hiện nay thì việc tiến hành giám định bổ sung, giám định lại đối với cây quýt là không khả quan.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 1, Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 2-CP, ngày 15/01/1994 của Chính phủ ban hành Bản quy định về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; mục 1, mục 4.4, mục 6.3 Thông tư số 06/LN-KL ngày 18/6/1994 của Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 02/CP ngày 15/01/1994 về giao đất lâm nghiệp;

Căn cứ vào các Điều 4, khoản 2 Điều 5; Điều 22; khoản 2 Điều 29; khoản 4 Điều 100; Điều 166; Điều 202; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào các Điều 105, 107, 115, 158, 163, 164, khoản 2 Điều 221; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 156; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 164, khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 210 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 26; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đường Văn S (Hà Khẩu H), công nhận quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng cho hộ gia đình ông Đường Văn S (Hà Khẩu H). Diện tích đất là 10.740,0m² theo bản trích đo địa chính số 02 - 2017 của Công ty cổ phần tài nguyên số 1 tỉnh Lạng Sơn đo vẽ ngày 23/5/2017 thuộc thửa đất 160, tờ bản đồ số 01 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp được giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng cho hộ ông Đường Văn S (Hà Khẩu H) theo Quyết định 480/QĐ-UB, ngày 20/12/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn, tại địa danh L, thuộc Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Giao toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho hộ ông Đường Văn S (Hà Khẩu H) quản lý, sử dụng. Hộ gia đình ông Đường Văn S (Hà Khẩu H) có nghĩa vụ kê khai để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (Có bản trích đo địa chính kèm theo).

Diện tích đất giao cho hộ ông Đường Văn S (Hà Khẩu H) có tứ cận như sau:

- Phía Nam giáp đất ông Mông Văn Q và ông Mông Văn L;
- Phía Đông giáp đất bà Hà Thị T;
- Phía Tây giáp đất ông Mông Văn T;
- Phía Bắc giáp khe suối cận L.

Giao cho ông Đường Văn S (Hà Khẩu H) được quản lý, sử dụng 200 cây thông, ông Đường Văn S (Hà Khẩu H) có trách nhiệm trả cho anh Mông Văn T giá trị 200 cây thông là: 14.000.000,đ (Mười bốn triệu đồng).

Giao cho ông Đường Văn S (Hà Khẩu H) quản lý, sử dụng 13 cây quýt, ông Đường Văn S (Hà Khẩu H) có trách nhiệm trả cho anh Mông Văn T số tiền là 1.052.000,đ (Một triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Tạm giao cho ông Đường Văn S (Hà Khẩu H) quản lý 2.148 cây bạch đàn, ông Đường Văn S và anh Lã Văn X tự thỏa thuận giải quyết. Nếu có tranh chấp thì khởi kiện ra Tòa án bằng một vụ án dân sự khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Đường Văn S (Hà Khẩu H).

3. Về án phí: Ông Đường Văn S (Hà Khẩu H) được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả cho ông Đường Văn S số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 1.750.000,đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/01481 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 08/3/2017.

Anh Mông Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.737.600,đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

4. Chi phí tố tụng khác: Anh Mông Văn T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.700.000,đ (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng). Ông Đường Văn S (Hà Khỷ H) đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.700.000,đ. Anh Mông Văn T có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền này cho ông Đường Văn S (Hà Khỷ H).

Anh Mông Văn T tự nguyện chịu chi phí giám định tuổi cây là 4.436.000,đ (Bốn triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Anh T nộp tạm ứng chi phí giám định tuổi cây là 10.000.000,đ (Mười triệu đồng). Tòa án hoàn trả cho anh T 5.564.000,đ (Năm triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Trong thời hạn luật định, ngày 28/9/2017, ông Mông Văn T làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”. Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Mông Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn thay đổi kháng nghị do cấp phúc thẩm đã thu thập, bổ sung chứng cứ, đảm bảo có đủ căn cứ để giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của anh Mông Văn T, vì anh T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất đang tranh chấp hiện đã được cấp sổ bìa xanh cho gia đình ông Đường Văn S, trên đất tranh chấp gia đình ông S đã trồng một số cây quýt, cây dẻ hàng năm gia đình vẫn quản lý, sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Mông Văn T và kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng; trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết đối với vụ án: Mảnh trích đo số 02-2017 của Công ty cổ phần tài nguyên số 1, tỉnh Lạng Sơn chưa có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T và chưa được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt, theo Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 nên chưa đủ cơ sở để xác định mảnh trích đo là chứng cứ hợp pháp, theo quy định tại khoản 11 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại cấp phúc thẩm đã thu thập bổ sung chứng cứ, đảm bảo có căn cứ để

giải quyết vụ án, cụ thể: Tại kết luận giám định tư pháp ngày 22/12/2017 kết luận Lô đất số 5, khoảnh 32, tiểu khu 283, diện tích 5,04ha, trên bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T và thửa đất 160, diện tích 18.798m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 01 đất lâm nghiệp xã T không trùng nhau, kết quả tham chiếu cho thấy 02 thửa đất ở hai vị trí khác nhau. Về nguồn gốc cả hai bên đương sự đều cho rằng là đất ông C để lại, nhưng không có căn cứ chứng minh. Về quản lý sử dụng đất tranh chấp cho thấy, trên đất tranh chấp có 13 cây quýt, 4000 cây bạch đàn và 200 cây thông, nguyên đơn cho rằng được trồng quýt, nhưng không có căn cứ để chứng minh, việc xác định tuổi cây không xác định được tuổi cây quýt. Còn bị đơn cho rằng được trồng quýt và có căn cứ cho rằng năm 2001 bị đơn trồng thông và bạch đàn, nguyên đơn cũng thừa nhận việc này. Ngoài ra người làm chứng là anh Nông Xuân T cho biết hàng năm vẫn thấy anh T canh tác, trồng ngô, phát quang, tu bổ rừng trên đất tranh chấp, có 01 số cây cam do ông nội và bố mẹ của anh T trồng, năm 2001 anh T trồng thông. Như vậy thực tế sử dụng có căn cứ để cho rằng anh T đã trồng cây, tu bổ rừng, quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài đối với diện tích đất tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, theo hướng sửa bản án sơ thẩm, giao cho anh Mông Văn T được quyền quản lý, sử dụng 10.740m² đất tranh chấp và toàn bộ cây trên đất (13 cây quýt, 4000 cây bạch đàn, 200 cây thông).

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đó được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đó được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2] Xét kháng cáo của anh Mông Văn T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn thấy rằng: Kháng cáo của anh Mông Văn T; kháng nghị của Viện kiểm sát trong thời hạn luật quy định nên được coi là hợp lệ.

[3] Theo đơn khởi kiện của ông Đường Văn S khai gia đình ông S có khu rừng tại L, diện tích 5,04 ha thuộc tiểu khu 283, mảnh 32, lô 5, địa danh thuộc Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 480/QĐ-UB, ngày 20/12/1997. Nguồn gốc đất là do bà Hà Thị S (mẹ vợ ông S) khai phá năm 1971 và quản lý sử dụng. Trên cơ sở kết quả đo vẽ của Công ty cổ phần tài nguyên số 1, tỉnh Lạng Sơn thừa có một phần diện tích đất tranh chấp được xác định 10.740m², thuộc thửa số 160, tờ bản đồ số 1 đất lâm nghiệp

của UBND xã T, huyện C. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa trưng cầu giám định để làm rõ phần diện tích đang tranh chấp tại thửa số 160, diện tích 10.740, m² so với mảnh 32, lô 5, diện tích 5,04 ha, ở thôn K, xã T, huyện C có phải là cùng một thửa đất không. Nhưng đã quyết định giao cho một bên quản lý là chưa đảm bảo được quyền và lợi ích của các bên đương sự.

[4] Để có cơ sở giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện Tòa án tỉnh Lạng Sơn đã Quyết định trưng cầu giám định số 35/2017/QĐ-TCGD ngày 28/11/2017 để giám định phần diện tích đất tranh chấp tại thửa số 160, diện tích 10.740, m² có phải là một phần diện tích đất nằm trong mảnh 32, lô 5, diện tích 5,04 ha, ở thôn K, xã T, huyện C hay không.

[5] Tại kết luận giám định tư pháp ngày 22/12/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn có ghi tại mục 7 kết luận kết luận về đối tượng giám định:

[6] Kết luận kết luận về đối tượng giám định:

[7] Lô đất số 05, khoảnh 32, tiểu khu 283, diện tích 5,04ha trên bản đồ giao đất lâm nghiệp xã L (nay là xã T) huyện C và thửa đất số 160, diện tích 18.798m², thuộc tờ bản đồ địa chính số 01, tỉ lệ 1/10000 đất lâm nghiệp xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn không trùng nhau, kết quả tham chiếu giữa hai bản đồ cho thấy hai thửa đất nêu trên ở hai vị trí khác nhau.

[8] Theo sổ địa chính thì phần diện tích đất tranh chấp thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 02-2017 do Công ty cổ phần tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo đạc ngày 23/5/2017 thuộc một phần các thửa: Thửa 159, diện tích 331m², ghi tên ông Hà Văn B; thửa số 160, diện tích 10.740m², ghi tên bà Hà Thị T; thửa số 162, diện tích 3.597,5m², ghi tên ông Mông Văn L. Các thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[9] Trên cơ sở kết luận giám định: Lô đất số 5, khoảnh 32, tiểu khu 283, diện tích 5,04ha, trên bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T và thửa đất 160, diện tích 18.798m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 01 đất lâm nghiệp xã T không trùng nhau, kết quả tham chiếu cho thấy 02 thửa đất ở hai vị trí khác nhau. Do đó việc ông Đường Văn S cho rằng thửa đất số 160 đang tranh chấp hiện nay là nằm trong lô đất số 05, khoảnh 32 là không có căn cứ. Năm 2008 bà Đặng Thị T có làm thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 160 diện tích 18.798m² và cho rằng thửa đất 160 nằm trong lô 5 khoảnh 32 của gia đình là không có căn cứ. Do vậy ông Đường Văn S yêu cầu được quản lý, sử dụng là không có cơ sở để chấp nhận.

[10] Xét kháng cáo của anh Mông Văn T yêu cầu được quản lý sử dụng 10.740, m² đang tranh chấp, thuộc thửa số 160, tờ bản đồ lâm nghiệp của UBND xã T, huyện C. Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất đang tranh chấp theo anh T khai có nguồn gốc là của cha ông để lại, gia đình anh T đã quản lý sử dụng ổn định, liên tục từ trước đến nay. Năm 2001 có dự án trồng thông gia đình anh T đã trồng 500 cây thông, sau đó chặt tía dần, hiện còn 200 cây và từ năm 2013

đến nay anh T đã khai thác nhựa. Tại phiên tòa ông Đường Văn S cũng thừa nhận số cây thông, bạch đàn là do anh T trồng, theo anh T khai hàng năm gia đình vẫn phát quang, tu bổ, chăm sóc, năm 2016 tiếp tục phát quang trồng 4000 cây bạch đàn thì xảy ra tranh chấp. Sau đó được chính quyền địa phương giải quyết hòa giải nhưng hai bên không thỏa thuận được với nhau.

[11] Trên cơ sở kết luận giám định cho thấy thửa đất đang tranh chấp hiện nay là thửa đất số 160, diện tích 10.740m² không trùng với thửa đất ông Đường Văn S khai nhận là mảnh 32, lô 5, diện tích 5,04 ha, ở thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có nguồn gốc đất là do bà Hà Thị S (mẹ vợ ông S) khai phá năm 1971 và quản lý sử dụng. Do vậy anh Mông Văn T yêu cầu được quản lý, sử dụng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật; việc ông Đường Văn S khởi kiện yêu cầu được quản lý sử dụng nhưng không đưa ra được các căn cứ, tài liệu để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Đường Văn S.

[12] Đối với yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn cho rằng cấp phúc thẩm đã khắc phục bổ sung chứng cứ, đảm bảo đủ điều kiện xét xử phúc thẩm nên không yêu cầu Tòa án hủy bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng sửa bản án của Tòa án nhân dân huyện C; Công nhận quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất đang tranh chấp tại thửa đất số 160, diện tích 10.740m² cho anh Mông Văn T là hợp pháp và toàn bộ số cây thông trên đất gồm 13 cây quýt, 200 cây thông, 4000 cây bạch đàn trên đất.

[13] Về án phí, chi phí giám định khác: Do sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nên phần án phí và các khoản chi phí tố tụng khác được xác định lại cho phù hợp với quy định của pháp luật; cụ thể:

[14] Về chi phí tố tụng khác: Do kháng cáo của anh Mông Văn T được chấp nhận nên không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đường Văn S (Hà Khảo H) khởi kiện không có căn cứ, không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 11.700.000,đ (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Đường Văn S (Hà Khảo H) đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.700.000,đ (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng). Anh Mông Văn T tự nguyện chịu chi phí giám định tuổi cây là 4.436.000,đ (Bốn triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Xác nhận anh Mông Văn T đã nhận lại số tiền 5.564.000,đ (Năm triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

[15] Về án phí: Ông Đường Văn S là người khởi kiện yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng do ông S là dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn tiền án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Đường Văn S được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Mông Văn T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đường Văn S (Hà Khẩu H), yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng đối với phần diện tích đất tranh chấp 10.740,0m², thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, theo bản trích đo địa chính số 02 - 2017 của Công ty Cổ phần tài nguyên số 1 tỉnh Lạng Sơn, đo vẽ ngày 23/5/2017.

2. Công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của anh Mông Văn Trúng đối với phần diện tích đất tranh chấp 10.740,0m² thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Trên đất có 200 cây thông; 13 cây quýt; 2.148 cây bạch đàn. Anh Mông Văn T có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Diện tích đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất bà Hà Thị T;
- Phía Tây giáp đất anh Mông Văn T;
- Phía Nam giáp đất ông Mông Văn Q và ông Mông Văn L;
- Phía Bắc giáp khe suối cận L. (Có kết luận giám định tư pháp và bản trích đo địa chính kèm theo).

3. Buộc ông Đường Văn S phải chấm dứt việc tranh chấp thửa đất trên với gia đình anh Mông Văn T.

4. Chi phí tố tụng khác: Ông Đường Văn Xây phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.700.000,đ (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Đường Văn S đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.700.000,đ (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

5. Chi phí giám định tuổi cây: Anh Mông Văn T tự nguyện chịu chi phí giám định tuổi cây là 4.436.000,đ (Bốn triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Xác nhận anh Mông Văn T đã nộp đủ tiền chi phí giám định tuổi cây.

6. Về án phí: Ông Đường Văn S (Hà Khẩu H) được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đường Văn S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.750.000,đ (Một triệu bảy trăm

năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2012/01481 ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Anh Mông Văn T không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho anh T số tiền 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp, theo biên lai thu tiền số AA/2012/05007 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm